

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA VÌ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2019

V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Thuyết**

2. Bà **Ngô Thị Kim Quế**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Minh Hải** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa:* Ông **Đỗ Xuân Hưng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/6/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2019/TLST-.HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/QĐHPT ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Phùng Thị T, sinh năm 1990;

HKTT: Thôn X, thị trấn Y, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985;

HKTT và nơi ở: Thôn X, thị trấn Y, huyện Ba Vì, Hà Nội.

(chị T có mặt tại phiên tòa, anh Đ triệu tập lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị Phùng Thị T trình bày:* Chị T kết hôn hợp pháp với anh Nguyễn Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/8/2009, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống. Sau kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh Đ ở thôn X, thị trấn Y. Cuộc sống chung hạnh phúc khoảng 8 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ nghiện ma túy từ trước khi kết hôn mà chị T không biết, quá trình anh Đ sử dụng ma túy, chị T khuyên bảo nhiều nhưng anh Đ không từ bỏ ma túy dẫn tới kinh tế gia đình suy kiệt, ngoài ra anh Đ còn đánh đập chửi bới. Chị cùng gia đình anh Đ đã cố gắng khuyên bảo đưa anh Đ đi cai nghiện tự

nguyện nhưng khi trở về địa phương anh Đ tiếp tục sử dụng ma túy, năm 2013 anh bị kết án 2 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương anh Đ tiếp tục nghiện ngập. Vợ chồng ly thân từ năm 2013 cho đến nay, nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 17/6/2010, khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: không có

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Văn Đ đều không có mặt tham gia tố tụng, không trình bày quan điểm giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác minh quan hệ hôn nhân và sự vắng mặt của anh Đ, mẹ đẻ anh là bà Phùng Thị T xác định: anh Nguyễn Văn Đ là con trai ruột sống cùng nhà với bà tại thôn X, thị trấn Y. Anh Đ kết hôn hợp pháp với chị Phùng Thị T, thời gian đầu sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh Đ mắc nghiện ma túy, bị kết án về tội phạm ma túy và phải chấp hành hình phạt tù. Từ năm 2013 đến nay, anh Đ và chị T đã sống ly thân mỗi người một nơi. Về con chung giữa anh Đ và chị T có một con chung ly hôn 01 con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 17/6/2010. Tài sản chung, công sức, nợ chung giữa anh Đ và chị T không có gì. Bà T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật vắng mặt anh Đ, cho chị Phùng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ và giao cho chị T được nuôi con chung theo nguyện vọng của chị T.

Việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị Phùng Thị T đối với anh Nguyễn Văn Đ con trai bà, sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án đối với anh Đ, bà đều giao lại cho anh Đ, tuy nhiên anh Đ không thể hiện ý kiến gì đối với các văn bản nhận được, hiện nay anh Đ vẫn nghiện ma túy, không có việc làm ổn định.

Tại phiên tòa hôm nay chị Phùng Thị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và được nuôi con, anh Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

*Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Việc thụ lý và giải quyết, thu thập chứng cứ trong vụ án ly hôn của Tòa án là đúng theo các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị T, cho chị Phùng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. *Về con chung:* có 1 cháu Nguyễn Văn T – sinh ngày 17/6/2010 Giao cho chị Phùng Thị T được nuôi cháu và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. *Về tài sản chung, Tài sản riêng, công nợ chung:* Chưa giải quyết. *Về án phí:* Chị Phùng Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Phùng Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn Đ - Trú tại: thôn X, thị trấn Y, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Do vậy việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Phùng Thị T và anh Nguyễn Văn Đ là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Đ nghiện ma túy. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Anh Đ không trực tiếp tham gia tố tụng, không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không chấp hành các thời gian Tòa án triệu tập, không có mặt tại phiên hòa giải chứng tỏ anh Đ không coi trọng việc hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị T.

[3] Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 17/6/2010, khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét hoàn cảnh của anh Đ nghiện ma túy, không có việc làm thu nhập ổn định. Để bảo vệ quyền lợi cho cháu T và theo nguyện vọng của cháu T, xét thấy cần thiết giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phùng Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi khác.

[5] Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, công nợ: chị Phùng Thị T trình bày không có, anh Nguyễn Đại P không thể hiện quan điểm về vấn đề tài sản chung, công nợ chung, tài sản riêng. Do vậy, HĐXX chưa xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Phùng Thị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội

Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phùng Thị T. Cho chị Phùng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 17/6/2010. Giao chị Phùng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T cho anh Nguyễn Văn Đ cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn Đ không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp: Chưa xem xét giải quyết.
- Về tài sản riêng, công nợ: Chưa xem xét giải quyết.
- Về án phí: Chị Phùng Thị T chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 04/4/2019 theo biên lai số 0009230.

- Quyền kháng cáo: Án Hôn nhân gia đình sơ thẩm xét xử công khai, chị Phùng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND thị trấn Tây Đằng
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Ngô Thị Thu Hương***